ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN TÂY	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 208 /BC-UBND	*Sơn Tây, ngày 15 tháng 6 năm 2022*

BÁO CÁO
Đánh giá thực hiện các chính sách đối với giáo viên vùng cao, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn

Thực hiện Công văn số 899/SGD&ĐT-TCCB ngày 26/3/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ngãi về việc đánh giá thực hiện các chính sách đối với giáo viên vùng cao, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, Uỷ ban nhân dân huyện Sơn Tây báo cáo như sau:

I. Khái quát đặc điểm tình hình chung

Sơn Tây là huyện miền núi cao phía Tây tỉnh Quảng Ngãi, cách thành phố Quảng Ngãi khoảng 80km. Tổng diện tích tự nhiên toàn huyện 38.563,68km^2, trong đó 92,9% diện tích được sử dụng cho nông nghiệp *(chủ yếu là đất lâm nghiệp, đất rừng)*. Phía Đông giáp huyện Sơn Hà *(tỉnh Quảng Ngãi)*, phía Tây giáp huyện Kon Plông *(tỉnh Kon Tum)*, phía Nam giáp huyện Sơn Hà *(tỉnh Quảng Ngãi)* và huyện Kon Plông *(tỉnh Kon Tum)*, phía Bắc giáp huyện Nam Trà My *(tỉnh Quảng Nam)*; Đồi núi có độ dốc cao, thung lũng hẹp, bị chia cắt bởi con sông lớn *(sông Đắkđrinh)* và nhiều sông, suối nhỏ; địa hình phức tạp, hiểm trở, khó khăn cho sản xuất nông - lâm nghiệp.

Sơn Tây nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, chịu ảnh hưởng khí hậu của cả vùng Duyên hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên với 2 mùa rõ rệt *(mùa khô từ tháng 3-8, mùa mưa từ tháng 9-02 năm sau)*. Nhiệt độ hàng năm bình quân từ 22,5-25,5^{0}C. Tháng Giêng là tháng lạnh nhất với nhiệt độ thấp nhất 8^{0}C, tháng sáu là tháng nóng nhất với nhiệt độ 38^{0}C. Độ ẩm bình quân 88-90%, cao nhất 95% và thấp nhất 55%; Lượng mưa hàng năm bình quân 2.700 mm.

Về kinh tế: Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn 2015-2021 đạt 7,1%/năm và thu nhập bình quân 20,5 triệu đồng/người/năm. Kết cấu hạ tầng KT-XH được quan tâm đầu tư, cùng với các chương trình, chính sách của nhà nước hỗ trợ vùng miền núi khó khăn như chương trình 30a, 135, nông thôn mới… Giao thông có tuyến đường tỉnh dài 27 km nối với quốc lộ 24B thông ra biển; đường Trường Sơn Đông đi qua (39 km) kết nối Sơn Tây với các tỉnh Tây Nguyên, Quảng Nam; đường huyện dài 122,23 km; đường xã và thôn 187,62 km; còn lại là đường mòn dân tự tạo. Thương mại - dịch vụ - du lịch còn nhỏ lẻ.

Về văn hóa - xã hội: Dân số toàn huyện 21.840 người/5.792 hộ[1] chủ yếu

[1] Số liệu thống kê tại thời điểm cuối năm 2021.

là đồng bào dân tộc thiểu số[2]; Tỷ lệ hộ nghèo toàn huyện chiếm khá cao, đến cuối năm 2021 toàn huyện có 2.475 hộ nghèo, tỷ lệ 47,39%, trong đó hộ nghèo dân tộc thiểu số là 2.734 hộ, tỷ lệ 99,60%; có 552 hộ cận nghèo, chiếm tỷ lệ 9,53%. Toàn huyện có 09/09 xã đều thuộc xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) và miền núi của tỉnh; với 35 thôn (33 thôn đặc biệt khó khăn); Đời sống Nhân dân còn gặp nhiều khó khăn, một bộ phận người dân tộc thiểu số nhận thức chưa cao, ít chịu khó học hỏi cách thức sản xuất, kinh doanh, phát triển kinh tế, phấn đấu vươn lên trong cuộc sống; còn có tư tưởng trông chờ ỷ lại vào chính sách hỗ trợ của Nhà nước. Trình độ dân trí còn thấp so với các vùng trong tỉnh, lao động chưa qua đào tạo nghề chiếm tỷ lệ cao; người dân chủ yếu sinh sống dựa nương rẫy, sản xuất nông - lâm nghiệp, năng suất cây trồng, vật nuôi chưa cao; thương mại, dịch vụ phát triển nhỏ lẻ.

Đến nay 100% số xã đã hoàn thành phổ cập giáo dục đúng độ tuổi, 95% số xã đạt chuẩn phổ cập trung học cơ sở. Toàn huyện có 20 cơ sở giáo dục đáp ứng việc học tập cho con em và từng bước hoàn thiện theo tiêu chí ngành. Công tác chăm sóc sức khỏe Nhân dân và thực hiện các chương trình quốc gia về y tế, dân số, kế hoạch hóa gia đình có nhiều chuyển biến tích cực. 100% số xã có Trạm y tế đạt chuẩn và bác sĩ làm việc. Việc giữ gìn, phát huy giá trị văn hóa và xây dựng đời sống văn hóa cơ sở đạt nhiều kết quả. 98% số thôn, khu dân cư được phủ sóng phát thanh; 85% số thôn, khu dân cư được phủ sóng truyền hình.

II. Tình hình triển khai

Uỷ ban nhân dân huyện Sơn Tây đã chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo thường xuyên tuyên truyền, quán triệt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; tổ chức triển khai và thực hiện các văn bản do cấp trên ban hành về các chính sách cho giáo viên vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, trong quá trình thực hiện chính sách nếu có vướng mắc kịp thời báo cáo UBND huyện để kiến nghị với cấp trên có thẩm quyền.

III. Kết quả thực hiện

1. Chính sách tuyển dụng, sử dụng đội ngũ giáo viên vùng cao, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn

Thực hiện Công văn số 1636/UBND-NC ngày 20/4/2021 của Sở Nội vụ về việc kế hoạch tuyển dụng giáo viên 2021, UBND huyện Sơn Tây đã đăng ký chỉ tiêu tuyển dụng 119 giáo viên và tiến hành các bước triển khai xét tuyển giáo viên theo quy định, tuy nhiên, do dịch bệnh Covid-19 nên đến tháng 6/2022 mới có kết quả tuyển dụng là 94 giáo viên và UBND huyện đã phân công đến các đơn vị trường trên địa bàn huyện, cơ bản đáp ứng được nhu cầu thiếu giáo viên trong thời gian qua.

---

[2] Trong đó: Dân tộc thiểu số 5.238 hộ, 19.965 khẩu; Cadong chiếm 81,9%%, H’re 3,5%, Kinh 14,1% và dân tộc khác 0,5%.

Tổng số biên chế sự nghiệp giáo dục được giao là 599 biên chế, hiện có mặt toàn ngành là 545 biên chế, còn thiếu 54 biên chế. Thời gian đến, Uỷ ban nhân dân huyện Sơn Tây tiếp tục đăng ký và tổ chức xét, thi tuyển số chỉ tiêu còn thiếu (cả giáo viên và nhân viên) để đảm bảo số lượng người làm việc trong các đơn vị trường.

2. Chính sách tiền lương cho giáo viên

Chính sách tiền lương cho giáo viên thực hiện chi trả theo các Nghị định, Thông tư như: Nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ; Nghị định 61/2006/NĐ-CP ngày 20/6/20206 của Chính phủ; Nghị định 76/2019/NĐ-CP về chính sách đối với cán bộ công chức, viên chức, người lao động và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang và công tác vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; Nghị định số 54/2011/NĐ-CP ngày 07/11/2011 của Chính phủ, Nghị định 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ,… đều thực hiện kịp thời và đầy đủ.

3. Chính sách đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ giáo viên, vùng cao, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn: Uỷ ban nhân dân huyện Sơn Tây chỉ đạo Phòng GD&ĐT chủ động phối hợp với Đảng ủy, UBND các xã tham mưu các cấp đăng ký số lượng đào tạo chính trị từ trung cấp đến cao cấp chính trị, cử đi học các lớp đào tạo quản lý cấp phòng, các lớp quản lý giáo dục, phối hợp với các đơn vị tổ chức các lớp tiếng Hre cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên toàn ngành...

(Có phụ lục tổng số giáo viên được hưởng phụ cấp ưu đãi theo Quyết định 861/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ)

IV. Khó khăn, bất cập và nguyên nhân

1. Chế độ tiền lương hiện nay chưa theo vị trí việc làm và tính chất phức tạp của công việc giáo viên vùng cao, vùng sâu, vùng đặc biệt khó khăn trong khi mức lương cơ sở còn thấp.

2. Học sinh trên các huyện miền núi đa số là người đồng bào dân tộc thiểu số, việc thực hiện tăng cường Tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số là cần thiết và được triển khai từ bậc học mầm non. Tuy nhiên, đối với chính sách cho giáo viên theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ thì chỉ những giáo viên dạy ở điểm lẻ mới được hưởng chính sách.

V. Kiến nghị, đề xuất

1. Tăng mức lương cơ sở kịp thời nhằm đảm bảo thu nhập cho giáo viên.

2. Tất cả giáo viên mầm non dạy tăng cường Tiếng Việt cho học sinh ở điểm chính đều được hưởng chính sách như ở điểm lẻ.

3. Được hưởng phụ cấp thu hút khi vẫn còn công tác tại vùng miền núi, vùng đặc biệt khó khăn.

Trên đây là báo cáo về việc đánh giá thực hiện các chính sách đối với giáo viên vùng cao, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn trên địa bàn huyện, UBND huyện Sơn Tây kính báo cáo./.

Nơi nhận:
- Sở GD và ĐT tỉnh;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Phòng GD&ĐT huyện;
- C, PCVP, TH;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đinh Trường Giang